

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 32/2020/HS-ST
Ngày 17-6-2020.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Văn Điền.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Phạm Minh Thư
2. Ông Vũ Công Soạn

- Thư ký phiên toà : Bà Mai Thùy Dung - Là thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Hải - Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2020/TLST - HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/20120/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/Đỗ Văn T, sinh ngày 02/12/1994; Tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn Nam 2, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 29/10/2015, Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 12 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; ngày 01/6/2015 thi hành xong phần dân sự, ngày 27/01/2016 chấp hành xong hình phạt. Ngày 09/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 01/6/2018 thi hành xong phần dân sự, ngày 06/12/2018 chấp hành xong hình phạt tù, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 15/02/2020, hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2/Bùi Văn S, sinh ngày 14/12/1988; Tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn Nam 1, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; Vợ: Hoàng Thị Th, sinh năm 1988, có 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo đầu thú ngày 24/02/2020 hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người bị hại:*

1/ Ông Phạm Tiến S, sinh năm 1947; trú tại: Thôn C, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt

2/Chị Vũ Hồng Ng; Sinh năm 2001; Địa chỉ: Xóm 7, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; trú tại: Thôn N, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người làm chứng:

1/Anh Vũ Văn H; sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Ch, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

2/Bà Phạm Thị Th; sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/01/2020 Bùi Văn S rủ Đỗ Văn T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. S dùng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 14K9 7959 (xe mượn của bà Nguyễn Thị S; địa chỉ thôn N, xã L, thị xã Q) chở T đến nhà anh Vũ Văn M ở xóm 7, xã L, thị xã Q. Quan sát thấy cổng không khóa, T bảo S đứng ngoài canh giới, T đi vào dùng tay kéo gậy chốt cửa ra vào (loại 2 cánh bằng kính đẩy sang hai bên) T nhìn thấy trong phòng khách có 01 xe mô tô Honda Aiblade liền quay ra hỏi S, S bảo không lấy xe. T quay lại, đi vào phía sau phòng khách thấy chị Vũ Thị Hồng Ng đang nằm ngủ, phía đầu giường bên phải có để một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung và 01 túi xách nữ màu đen ở trên cửa sổ gần giường. T trộm cắp toàn bộ số tài sản và đem ra ngoài cùng S lên xe đi khoảng 500m, T mở túi ra kiểm tra thấy có 400.000đồng và 01 thẻ căn cước; 01 chứng minh thư nhân dân

mang tên Vũ Hồng Ng. T cầm tiền và vật túi cùng toàn bộ giấy tờ, sau đó cả hai tiếp tục đi đến khu vực nhà văn hóa thôn Nam, xã L, tại đây T đưa máy tính bảng cho S và cùng nhau tiêu hết số tiền 400.000đồng. Ngày 27/01/2020, T mang điện thoại bán cho anh Lê Văn N ở thôn Đình 2, xã L được 2.000.000đ, trước đó T mở điện thoại thì thấy ở phần ốp phía sau lưng của điện thoại có 1.000.000đ. Khoảng 19 giờ cùng ngày T gặp S nói chưa bán được máy tính nên đã đưa để T đem bán cho anh Hoàng Văn T1 ở thôn Nam 1, xã L được 1.500.000đồng. Toàn bộ số tiền có được T một mình sử dụng hết. Ngày 30/01/2020 chị Vũ Thị Hồng Ng đã mua lại của anh N trên tài khoản Faccebok với giá 2.500.000đ, qua kiểm tra chị Ng xác định đúng điện thoại đã bị mất nên đã giao nộp lại điện thoại và trình báo cơ quan Công an, ngoài ra chị Ng còn khai bị mất số tiền 31.000.000đ. Ngày 13/02/2020, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc máy tính bảng do anh Hoàng Văn T1 đã mua của T.

Ngày 24/02/2020, nhận thức được hành vi của mình, Bùi Văn S đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tiếp đến khoảng 08 giờ ngày 15/02/2020 Đỗ Văn T đem theo 01 (một) vạm sắt hình chữ “T” đi từ nhà đến đến khu vực xã T, thị xã Q để trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T vào chùa La K thuộc thôn Chùa, xã T thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus biển kiểm soát 14H3 - 6377 của ông Phạm Tiến S dựng trước sân, đầu xe quay vào phía trong, xe không khóa cở. T dùng vạm phá ổ khóa điện, dắt xe ra khỏi vị trí ban đầu nhưng thấy có người nên T bỏ đi, khoảng 20 phút sau quay lại lấy xe thì bị ông S phát hiện cùng mọi người đuổi theo bắt giữ được T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 14/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Q kết luận trị giá đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 64GB màu vàng là 7.650.000đ (*bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 máy tính bảng nhãn hiệu Sam sung Galaxy Tab A (2016) là 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Tại kết luận định giá số 09 ngày 17/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Q kết luận trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Tuarus biển kiểm soát 14H3 - 3677 của ông Phạm Tiến S là 4.600.000đ (*bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra Bùi Văn S và Đỗ Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Kết luận điều tra, không có căn cứ xác định các bị cáo đã trộm cắp số tiền 31.000.000đ (*ba mươi một triệu đồng*) như bị hại chị Vũ Hồng Ng đã trình báo. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Đỗ Văn T 01 vạm sắt hình chú “T”.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha jupirer biển kiểm soát 14K9 - 7959 và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Tarus biển kiểm soát 14H3 - 6377. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho những người bị hại.

Trong quá trình điều tra Bùi Văn S đã tác động gia đình bồi thường cho chị Vũ Hồng Ng số tiền 16.000.000đ (*mười sáu triệu đồng*), chị Ng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo S. Ông Phạm Tiến S và anh Hoàng Văn T1 không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSQY ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q - tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Đỗ Văn T và Bùi Văn S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; Điều 38; Điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 18 đến 21 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/02/2020. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn S từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 24/02/2020. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ “T” (tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và chi cục thi hành án dân sự thị xã Q ngày 11/5/2020). Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q. Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn T và Bùi Văn S khai nhận hành vi phạm tội của mình như phần “*nội dung vụ án*” đã nêu. Các bị cáo xác định hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp thời gian địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của người bị hại chị Vũ Hồng Ng, ông Phạm Tiến S; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị S và những người làm chứng anh Vũ Hồng H và chị Phạm Thị Th; Phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật tài sản; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường do Công an thị xã Q lập ngày 15/02/2020; Tại bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 14/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã Q kết luận trị giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 64GB màu vàng là 7.650.000đ (*bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A (2016) là 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Tại kết luận định giá số 09 ngày 17/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã Q kết luận trị giá đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Tuarus biển kiểm soát 14H3 - 3677 của ông Phạm Tiến S là 4.600.000đ (*bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 00 giờ ngày 27/01/2020, lợi dụng sơ hở Bùi Văn S và Đỗ Văn T đã rủ nhau vào nhà của chị Vũ Hồng Ng, ở xóm 7, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, dung lượng 64GB màu vàng trị giá 7.650.000đ (*bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) đăng sau vỏ ốp điện thoại có 1.000.000đ (*một triệu đồng*) và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A (2016) trị giá 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) cùng 01 túi xách bên trong có 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) và các giấy tờ tùy thân. Tổng cộng 13.050.000đ (*mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó T và S sử dụng chung 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*), số tiền còn lại T tiêu sài cá nhân.

Tiếp đến ngày 15/02/2020, Đỗ Văn T đã vào chùa L, thuộc thôn Ch, xã T, thị xã Q trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Tuarus biển kiểm soát 14H3 - 3677 trị giá 4.600.000đ (*bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) của ông Phạm Tiến S thì bị bắt quả tang.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Đỗ Văn T và Bùi Văn S đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đã quy kết đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, bản thân các bị cáo do ham chơi đua đòi, muốn kiếm tiền không bằng chính sức lao động của mình, các bị cáo thực hiện tội phạm một cách chủ động, đã lợi dụng lúc người bị hại sơ hở để trộm cắp tài sản, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo.

Xét vai trò phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đỗ Văn T và Bùi Văn S cùng cố ý thực hiện một tội phạm nhưng không có sự bàn bạc câu kết chặt chẽ với nhau từ trước, nên chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong vụ án “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo S tuy là người khởi xướng cùng với T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Vũ Hồng Ng, xong T lại là người trực tiếp thực hiện hành vi một cách tích cực, toàn bộ số tiền có được một mình T sử dụng nhiều hơn bị cáo S.

Ngoài ra bị cáo T còn thực hiện trộm cắp tài sản của ông Phạm Tiến S. Do đó T còn phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với hành vi này, nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo S là phù hợp.

Xét nhân thân các bị cáo thì thấy: T và S là những thanh niên có sức khỏe lẽ ra các bị cáo phải chọn cho mình một công việc phù hợp để có thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, nhưng vì ham chơi, đua đòi muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, mặc dù các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện nên các bị cáo đã đi vào con đường phạm tội; Ngày 29/10/2015, Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 12 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Ngày 09/3/2018, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 06/12/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, chưa được xóa án tích, bản án trước chưa đủ để bị cáo tiếp thu sự giáo dục, cải tạo của cơ quan pháp luật, lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên cần tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T và cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng đúng mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xét: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được sai phạm của mình. Nên Hội

đồng xét xử áp điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo S sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại chị Vũ Hồng Ng số tiền 16.000.000đồng (*mười sáu triệu đồng*), người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử án dụng thêm điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo S một phần về hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng trong chính sách hình sự của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa lỗi lầm trở thành người lương thiện.

[4] Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự phạt các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ nhà nước. Nhưng cũng xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng. Nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Xét thiệt hại và trách nhiệm dân sự: Tài sản do bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho các bị hại ông Phạm Tiến S. Đối với tài sản của chị Vũ Hồng Ng không thu hồi được, bị cáo S đã tác động gia đình bồi thường cho chị Ng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại ông Phạm Tiến S và chị Vũ Hồng Ng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản. Riêng số tiền theo chị Ng trình báo mất 31.000.000đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khẳng định không chiếm đoạt, nên không có cơ sở để kết luận các bị cáo đã thực hiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ “T” (kích thước 10cm và 12cm) không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy (tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Q và chi cục thi hành án dân sự thị xã Q ngày 11/5/2020).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T và Bùi Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Đỗ Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 15/02/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bùi Văn S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 24/02/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ “T” (kích thước 10cm và 12cm), (tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Q và chỉ cục thi hành án dân sự thị xã Q ngày 11/5/2020).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Đỗ Văn T và Bùi Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu HS + VP + THA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Điền

